

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI TÍN

“Đã được xác nhận đăng ký tại CV số 4382/NHNN-TTGSNH
của Thanh tra Giám sát Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam
ngày 07/06/2011”

Tháng 06 năm 2011

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Tín là Ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông Đại Tín Ngân hàng quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 5 năm 2003 và đã được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

CHƯƠNG I

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Pháp luật có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.

b. Luật các Tổ chức Tín dụng có nghĩa là Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010.

c. Luật doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

d. Cổ phần là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

đ. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Đại Tín Ngân hàng. Cổ phiếu của Đại Tín Ngân hàng là cổ phiếu có ghi tên theo quy định của Điều lệ này.

e. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Đại Tín Ngân hàng đã phát hành nhưng được chính Đại Tín Ngân hàng mua lại bằng nguồn hợp pháp theo các điều kiện do pháp luật quy định.

f. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Đại Tín Ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

g. Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Đại Tín Ngân hàng và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Đại Tín Ngân hàng với tư cách là một người nắm giữ cổ phần.

h. Cổ đông lớn của Đại Tín Ngân hàng là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Đại Tín Ngân hàng.

i. Sổ đăng ký cổ đông là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

j. Góp vốn, mua cổ phần của Đại Tín Ngân hàng là việc Đại Tín Ngân hàng góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng; góp vốn vào quỹ đầu tư và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên.

k. Khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp bao gồm khoản đầu tư chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một doanh nghiệp hoặc khoản đầu tư khác đủ để chi phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

l. Sở hữu gián tiếp là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của Đại Tín Ngân hàng thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.

m. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

- Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

- Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

- Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;

- Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ

hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

- Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

n. Công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng là công ty trong đó Đại Tín Ngân hàng hoặc Đại Tín Ngân hàng và người có liên quan của Đại Tín Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Đại Tín Ngân hàng.

o. Công ty con của Đại Tín Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đại Tín Ngân hàng hoặc Đại Tín Ngân hàng và người có liên quan của Đại Tín Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;

- Đại Tín Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc của công ty con;

- Đại Tín Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;

- Đại Tín Ngân hàng và người có liên quan của Đại Tín Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị,

Hội đồng thành viên của công ty con.

p. Người quản lý Đại Tín Ngân hàng bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc khối, phó Giám đốc khối, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc công ty con, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và các chức danh tương đương.

q. Người điều hành Đại Tín Ngân hàng bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

r. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 50, Luật các tổ chức tín dụng.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH CỦA ĐẠI TÍN NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của Đại Tín Ngân hàng

1. Lịch sử hình thành và phát triển của Đại Tín Ngân hàng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Tín (tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Rạch Kiến), dưới đây được gọi là “Đại Tín Ngân hàng”, được thành lập theo:

- Quyết định số 1114/UB.QĐ.89 ngày 21 tháng 07 năm 1989, của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc cho phép thành lập Ngân hàng nông thôn cổ phần Rạch Kiến huyện Cần Đước và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/9/1989;

- Quyết định số 0047/NHGP ngày 29/12/1993 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần nông thôn Rạch Kiến, chuyển tiếp hoạt động theo pháp lệnh ngân hàng, công ty tài chính;

- Quyết định số 1931/QĐ-NHNN ngày 17/8/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận chuyển đổi mô hình hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Rạch Kiến thành Ngân hàng thương mại cổ phần đô thị;

- Quyết định số 2136/QĐ-NHNN ngày 17/9/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Rạch Kiến được thay đổi tên gọi thành

Ngân hàng TMCP Đại Tín (Trustbank);

- Quyết định số 1855/QĐ-NHNN ngày 21/8/2008 về việc chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Đại Tín được thay đổi trụ sở chính về số 145-147-149 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Tân An (nay là Thành phố Tân An), Tỉnh Long An.

2. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính:

* Tên của Ngân hàng là:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN

- Gọi tắt: **ĐẠI TÍN NGÂN HÀNG**

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

GREAT TRUST JOINT STOCK COMMERCIAL BANK

- Tên gọi tắt bằng tiếng Anh: **TRUSTBank**

* Địa chỉ: Trụ sở chính đặt tại 145-147-149 Hùng Vương - Phường 2, Thành Phố Tân An, Tỉnh Long An

- Điện thoại : (072) 3524 639.

- Fax : (072) 3524 900.

- Email : info@trustbank.com.vn

- Website : www.trustbank.com.vn

3. Việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở chi nhánh của Đại Tín Ngân hàng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

CHƯƠNG III THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của Đại Tín Ngân hàng là 99 năm và được ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp. Trước khi thời hạn hoạt động kết thúc tối thiểu 180 ngày, nếu có nhu cầu hoạt động tiếp, Đại Tín Ngân hàng có thể xin gia hạn thời hạn hoạt động.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI TÍN NGÂN HÀNG

Điều 4. Hoạt động ngân hàng của Đại Tín Ngân hàng

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;

e) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 5. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước

Đại Tín Ngân hàng được vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 6. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính

Đại Tín Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Mở tài khoản

1. Đại Tín Ngân hàng phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.

2. Đại Tín Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác.

3. Đại Tín Ngân hàng được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 8. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán

1. Đại Tín Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

2. Đại Tín Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần

1. Đại Tín Ngân hàng chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.

2. Đại Tín Ngân hàng phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b) Cho thuê tài chính;

c) Bảo hiểm.

3. Đại Tín Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Đại Tín Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh

nh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.

5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Đại Tín Ngân hàng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận.

Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Đại Tín Ngân hàng, công ty con của Đại Tín Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Tham gia thị trường tiền tệ

Đại Tín Ngân hàng được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyên nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

Điều 11. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Đại Tín Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:

a) Ngoại hối;

b) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối; điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của Đại Tín Ngân hàng.

3. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Đại Tín Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 12. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý

Đại Tín Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Đại Tín Ngân hàng

1. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

2. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

4. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

5. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 14. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng

1. Đại Tín Ngân hàng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng.

2. Đại Tín Ngân hàng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Đại Tín Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay

1. Đại Tín Ngân hàng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng.

2. Đại Tín Ngân hàng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.

3. Đại Tín Ngân hàng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.

4. Đại Tín Ngân hàng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.

Điều 16. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất

1. Đại Tín Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì Đại Tín Ngân hàng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của Đại Tín Ngân hàng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của Đại Tín Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Đại Tín Ngân hàng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của Đại Tín Ngân hàng.

Điều 17. Lưu giữ hồ sơ tín dụng

1. Đại Tín Ngân hàng phải lưu giữ hồ sơ tín dụng, bao gồm:

a) Hợp đồng cấp tín dụng và tài liệu ghi rõ mục đích sử dụng vốn; hồ sơ về biện pháp bảo đảm;

b) Báo cáo thực trạng tài chính của khách hàng;

c) Quyết định cấp tín dụng có chữ ký của người có thẩm quyền; trường hợp quyết định tập thể, phải có biên bản ghi rõ quyết định được thông qua;

d) Những tài liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản vay liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng.

2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hoạt động ngân hàng điện tử

Đại Tín Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 19. Kinh doanh bất động sản

Đại Tín Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Đại Tín Ngân hàng;

2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Đại Tín Ngân hàng;

3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Đại Tín Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Điều 20. Phạm vi hoạt động được phép của Đại Tín Ngân hàng

1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể phạm vi, loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của Đại Tín Ngân hàng trong Giấy phép cấp cho Đại Tín Ngân hàng.

2. Đại Tín Ngân hàng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho Đại Tín Ngân hàng.

3. Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của Đại Tín Ngân hàng quy định tại Điều lệ này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG V NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 21. Người đại diện theo pháp luật

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Đại Tín Ngân hàng.

2. Người đại diện theo pháp luật của Đại Tín Ngân hàng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của Đại Tín Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

CHƯƠNG VI

VỐN ĐIỀU LỆ, PHƯƠNG THỨC GÓP VỐN, TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 22. Vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng là **3.000.000.000.000** đồng (Ba ngàn tỷ đồng).
2. Đại Tín Ngân hàng phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
3. Vốn Điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ)
4. Việc thay đổi mức vốn điều lệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Phương thức góp vốn

1. Cổ phần của Đại Tín Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng và theo các quy định của pháp luật.
2. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ cho nhu cầu hoạt động của Đại Tín Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại **Điều 29, Điều 30** Luật Doanh nghiệp 2005 và các quy định

của pháp luật có liên quan. Phần góp vốn bằng vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi phải được bán cho tổ chức khác để chuyển đổi ra tiền Việt Nam.

Điều 24. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Tăng vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau:

- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
- c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
- d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Giảm vốn điều lệ:

a) Đại Tín Ngân hàng có thể mua lại cổ phần do chính Đại Tín Ngân hàng đã phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Đại Tín Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ.

b) Đại Tín Ngân hàng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; Trường

hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.

CHƯƠNG VII CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 25. Cổ phần, cổ đông

1. Cổ phần của Đại Tín Ngân hàng là cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.

2. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Mệnh giá cổ phần của Đại Tín Ngân hàng là **10.000 VNĐ** (mười ngàn đồng).

4. Đại Tín Ngân hàng phải có tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.

Điều 26. Tỷ lệ sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng, trừ các trường hợp sau đây:

a) Sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 149 của Luật Tổ chức tín dụng để xử lý Đại Tín Ngân hàng gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống Đại Tín Ngân hàng;

b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng.

4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

Điều 27. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định tại

khoản 2 Điều 149 của Luật các Tổ chức tín dụng.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết của Đại Tín Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 28. Cổ phiếu

Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Đại Tín Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với Đại Tín Ngân hàng tăng vốn điều lệ.

CHƯƠNG VIII CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ĐẠI TÍN NGÂN HÀNG

Điều 29. Cơ cấu tổ chức quản lý của Đại Tín Ngân hàng bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG IX CỔ ĐÔNG

Điều 30. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

2. Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Đại Tín Ngân hàng.

4. Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Đại Tín Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Điều lệ Đại Tín Ngân hàng.

5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.

6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Đại Tín Ngân hàng khi Đại Tín Ngân hàng giải thể hoặc phá sản.

8. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.

9. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng hoặc theo quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 31. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông của Đại Tín Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Đại Tín Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Đại Tín Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Đại Tín Ngân hàng;

b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Đại Tín Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua cổ phần tại Đại Tín Ngân hàng;

d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Đại Tín Ngân hàng;

đ) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Đại Tín Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Đại Tín Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Đại Tín Ngân hàng. Đại Tín Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

CHƯƠNG X

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 32. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Đại Tín Ngân hàng.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Đại Tín Ngân hàng;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1, Điều 51 Điều lệ này;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Đại Tín Ngân hàng;

b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng;

c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ Đại Tín Ngân hàng;

đ) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Đại Tín Ngân hàng và cổ đông của Đại Tín Ngân hàng;

g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Đại Tín Ngân hàng;

h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;

k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;

l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Đại Tín Ngân hàng;

m) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

n) Quyết định thành lập công ty con;

o) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Đại Tín Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Đại Tín Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Đại Tín Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng;

r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Đại Tín Ngân hàng;

s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính

của Đại Tín Ngân hàng.

Điều 34. Thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c) Đối với quyết định về các vấn đề sau đây phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng;

- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Đại Tín Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá

sản Đại Tín Ngân hàng.

2. Quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển của Đại Tín Ngân hàng;

- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ Đại Tín Ngân hàng;

- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Đại Tín Ngân hàng và cổ đông của Đại Tín Ngân hàng;

- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Đại Tín Ngân hàng.

Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có

quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Đại Tín Ngân hàng chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Đại Tín Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo phải được công bố trên

trang thông tin điện tử của Ngân hàng, đồng thời được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền, thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Đại Tín Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện

theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Đại Tín Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số

cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ 2. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

3. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này.

Điều 39. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu 01 người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, thường ngăn cản tiến triển bình của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có

nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu 01 người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông

Trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Đại Tín Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và

tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Đại Tín Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Đại Tín Ngân hàng.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Trường hợp Cổ đông không gửi phiếu ý kiến phản hồi được coi là phiếu tán thành.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Tín Ngân hàng phải đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Tín Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Đại Tín Ngân hàng.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại

diện theo pháp luật của Đại Tín Ngân hàng và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Tín Ngân hàng.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Đại Tín Ngân hàng. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i) Các quyết định đã được thông qua;

k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả

cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Tín Ngân hàng.

Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Đại Tín Ngân hàng.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Đại Tín Ngân hàng.

Điều 43. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG XI NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT

Điều 44. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương của Đại Tín Ngân hàng:

a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

đ) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật các Tổ chức Tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Đại Tín Ngân hàng;

g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị, không được là Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của Đại Tín Ngân hàng:

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;

c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

đ) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ

trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Đại Tín Ngân hàng;

e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Đại Tín Ngân hàng;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính Đại Tín Ngân hàng.

Điều 45. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Đại Tín Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Đại Tín Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng quản trị của Đại Tín Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

2. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Đại Tín Ngân hàng hoặc công ty con của Đại Tín Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Đại Tín Ngân hàng.

3. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Đại Tín Ngân hàng;

b) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp khác.

Điều 46. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định tại Điều 44 của Điều lệ này về những

trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Đại Tín Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

đ) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) Khi Đại Tín Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;

g) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;

2. Hội đồng quản trị, của Đại Tín Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 47. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành Đại Tín Ngân hàng

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Đại Tín Ngân hàng.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Đại Tín Ngân hàng, cổ đông Đại Tín Ngân hàng.

3. Trung thành với Đại Tín Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Đại Tín Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Đại Tín Ngân hàng, cổ đông Đại Tín Ngân hàng.

4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Đại Tín Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Đại Tín Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.

5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Đại Tín Ngân hàng.

6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Đại Tín Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Đại Tín Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị Đại Tín Ngân hàng chấp thuận.

7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên

quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Đại Tín Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Đại Tín Ngân hàng.

8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Đại Tín Ngân hàng bị lỗ.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Đại Tín Ngân hàng phải công khai với Đại Tín Ngân hàng các thông tin sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn

bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Đại Tín Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Đại Tín Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Tín Ngân hàng.

Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của Đại Tín Ngân hàng

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 44 của Điều lệ này;

b) Có đạo đức nghề nghiệp;

c) Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng, trừ trường hợp là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị; hoặc

- Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; hoặc

- Có ít nhất 03 năm là người quản lý của Đại Tín Ngân hàng hoặc doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc

- Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán.

2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho chính Đại Tín Ngân hàng hoặc công ty con của Đại Tín Ngân hàng; hoặc đã làm việc cho chính Đại Tín Ngân hàng hoặc công ty con của Đại Tín Ngân hàng trong 03 năm liền kể trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Đại Tín Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Đại Tín Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Đại Tín Ngân hàng hoặc công ty con của Đại Tín Ngân hàng;

d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Đại Tín Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Đại Tín Ngân hàng;

đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Đại Tín Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 44 của Điều lệ này;

b) Có đạo đức nghề nghiệp;

c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý Đại Tín Ngân hàng;

đ) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 44 của Điều lệ này;

b) Có đạo đức nghề nghiệp;

c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;

d) Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của Đại Tín Ngân hàng hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;

đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

5. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 44 của Điều lệ này; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 44 của Điều lệ này;

b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

CHƯƠNG XII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Đại Tín Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Đại Tín Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Đại Tín Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Hội đồng quản trị có Thư ký để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký do Hội đồng quản trị quy định.

4. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 51. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Đại Tín Ngân hàng phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Đại Tín Ngân hàng.

2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Đại Tín Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Đại Tín Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của Đại Tín Ngân hàng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên.

2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 33 của Điều lệ này.

4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Đại Tín ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

7. Cử người đại diện vốn góp của Đại Tín Ngân hàng hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Đại Tín ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Đại Tín ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Đại Tín ngân hàng quy định tại điểm p, Điều 33 của Điều lệ này.

9. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại

khoản 7 Điều 128 của Luật các Tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm q, Điều 33 của Điều lệ này.

10. Thông qua các hợp đồng của Đại Tín Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng; các hợp đồng của Đại Tín Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

12. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Đại Tín Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Đại Tín Ngân hàng.

14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

16. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Đại Tín Ngân hàng.

19. Quyết định mua lại cổ phần của Đại Tín Ngân hàng.

20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị,

Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.

9. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

10. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Đại Tín Ngân hàng và cổ đông.

2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Đại Tín Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.

4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Đại Tín Ngân hàng hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục

đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Đại Tín Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Đại Tín Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

7. Đại Tín Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm)

ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Đại Tín Ngân hàng.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng

quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

CHƯƠNG XIII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 56. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát của Đại Tín Ngân hàng có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Đại Tín Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.

3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Đại Tín Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên

tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Đại Tín Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 57. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Đại Tín Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Đại Tín Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Đại Tín Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản

lý, điều hành hoạt động của Đại Tín Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Đại Tín Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

8. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ Đại Tín Ngân hàng.

9. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng.

10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 57 của Điều lệ này.

2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 57 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.

5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.

8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông

tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Đại Tín Ngân hàng và của cổ đông.

2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Đại Tín Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu

quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, biên bản họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định liên quan đến quản trị điều hành của Đại Tín Ngân hàng, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kế toán tài chính định kỳ của Đại Tín Ngân hàng, báo cáo của kiểm toán độc lập hàng năm, báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị và các tài liệu khác do Đại Tín Ngân hàng phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Đại Tín Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Đại Tín Ngân hàng làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và

hoạt động kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 61. Cuộc họp Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của:

a) Ít nhất 02 thành viên Ban kiểm soát;

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tỉnh, Thành phố nơi Đại Tín Ngân hàng đặt trụ sở chính;

c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ **hai phần ba** số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b của khoản 02 Điều này. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh Tỉnh nơi Đại Tín Ngân hàng đặt trụ sở và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn

nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát có thể họp tại trụ sở chính của Đại Tín Ngân hàng hoặc ở nơi khác.

6. Ban kiểm soát ban hành quy định nội bộ về các nội dung khác (ngoài các nội dung nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này) có liên quan đến cuộc họp Ban kiểm soát (thể thức thông báo, triệu tập họp, thể thức tổ chức cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản) trên cơ sở các quy định đối với cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này.

7. Các vấn đề được đưa ra tại cuộc họp Ban kiểm soát hoặc lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản đều phải được biểu quyết và quyết định theo đa số. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được hai phần ba Thành viên Ban kiểm soát có quyền biểu quyết dự họp chấp thuận, kể cả trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về mọi vấn đề. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp.

CHƯƠNG XIV TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 62. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị, bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Đại Tín Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Đại Tín Ngân hàng.

3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng.

7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.

8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Đại Tín Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.

10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Đại Tín Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

11. Ký kết hợp đồng nhân danh Đại Tín Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Đại Tín Ngân hàng.

12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng.

13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.

14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

THÊ THỨC BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 64. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đại Tín Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

Điều 65. Thử thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát với số cổ đông đại diện trên 51 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Hội đồng quản trị, bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc.

Điều 66. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của Đại Tín Ngân hàng;
- c) Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội

đồng thành viên, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 49 của Điều lệ này;

đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị, của Đại Tín Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 67. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành Đại Tín Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 45 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm

quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của Đại Tín Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Đại Tín Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

CHƯƠNG XVI

CÁC NGUYÊN TẮC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM SOÁT VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 68. Chế độ tài chính

Chế độ tài chính của Đại Tín Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 69. Năm tài chính

Năm tài chính của Đại Tín Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 70. Hạch toán, kế toán

Đại Tín Ngân hàng phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 71. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Đại Tín Ngân hàng được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.

2. Đại Tín Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Đại Tín Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.

Điều 72. Kiểm toán nội bộ

1. Đại Tín Ngân hàng phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Đại Tín Ngân hàng.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Đại Tín Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Đại Tín Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng.

Điều 73. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Đại Tín Ngân hàng

phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Đại Tín Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

3. Đại Tín Ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG XVII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 74. Quỹ dự trữ

1. Hằng năm, Đại Tín Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây:

a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hằng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của Đại Tín Ngân hàng;

b) Quỹ dự phòng tài chính;

c) Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại Tín Ngân hàng không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông.

Điều 75. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận còn lại của Đại Tín Ngân hàng. Đại Tín Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Đại Tín Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Đại Tín Ngân hàng và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Đại Tín Ngân hàng; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Đại Tín Ngân hàng vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của

Đại Tín Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Đại Tín Ngân hàng đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Đại Tín Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Đại Tín Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Đại Tín Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Đại Tín Ngân hàng.

3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Đại Tín Ngân hàng.

CHƯƠNG XVIII THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 76. Cung cấp thông tin

1. Đại Tín Ngân hàng cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

2. Đại Tín Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với Đại Tín Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Đại Tín Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được trao đổi thông tin với nhau về hoạt động của Đại Tín Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 77. Bảo mật thông tin

1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của Đại Tín Ngân hàng không được tiết lộ bí mật kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng.

2. Đại Tín Ngân hàng phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại Đại Tín Ngân hàng.

3. Đại Tín Ngân hàng không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại Đại Tín Ngân hàng cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 78. Báo cáo

1. Đại Tín Ngân hàng phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Đại Tín Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng;

b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng.

3. Công ty con, công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.

4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Đại Tín Ngân hàng phải gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 79. Công khai báo cáo tài chính

Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Đại Tín Ngân hàng phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIX

CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG & THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 80. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Đại Tín Ngân hàng có quyền trả thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương

của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Đại Tín Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Ban kiểm soát được trả lương hoặc thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

5. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

6. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Đại Tín Ngân hàng.

CHƯƠNG XX

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 81. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả

Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, Đại Tín Ngân hàng phải kịp thời báo cáo với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.

Điều 82. Áp dụng kiểm soát đặc biệt

1. Kiểm soát đặc biệt là việc Đại Tín Ngân hàng bị đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước do có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán.

2. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện kịp thời những trường hợp có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán.

3. Ngân hàng Nhà nước xem xét, đặt Đại Tín Ngân hàng vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi Đại Tín Ngân hàng lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nguy cơ mất khả năng chi trả;

b) Nợ không có khả năng thu hồi có nguy cơ dẫn đến mất khả năng thanh toán;

c) Khi số lỗ lũy kế của Đại Tín Ngân hàng lớn hơn 50% giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

d) Hai năm liên tục bị xếp loại yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời hạn một năm liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục.

Điều 83. Thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước đối với Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt

1. Ngân hàng Nhà nước quyết định xử lý kiến nghị của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 148 của Luật các Tổ chức tín dụng.

2. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Đại Tín Ngân hàng tăng vốn, xây dựng, thực hiện kế hoạch tái cơ cấu hoặc bắt buộc sáp nhập, hợp nhất, mua lại đối với Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt, nếu Đại Tín Ngân hàng không có khả năng hoặc không thực hiện việc tăng vốn.

3. Ngân hàng Nhà nước có quyền trực tiếp hoặc chỉ định tổ chức tín dụng khác góp vốn, mua cổ phần của Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt trong trường hợp Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt không có khả năng thực hiện yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này hoặc khi Ngân hàng Nhà nước xác định số lỗ lũy kế của Đại Tín Ngân hàng đã vượt quá giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất và việc chấm dứt

hoạt động của Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có thể gây mất an toàn hệ thống Tổ chức tín dụng.

4. Việc góp vốn, mua cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 84. Trách nhiệm của Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:

1. Xây dựng phương án củng cố tổ chức và hoạt động của Đại Tín Ngân hàng trình Ban kiểm soát đặc biệt thông qua và tổ chức triển khai thực hiện phương án đó;

2. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của Đại Tín Ngân hàng, trừ trường hợp bị đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành Đại Tín Ngân hàng;

3. Chấp hành yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt liên quan đến tổ chức, quản trị, kiểm soát, điều hành Đại Tín Ngân hàng;

4. Thực hiện yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 85. Khoản vay đặc biệt

1. Đại Tín Ngân hàng được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau đây:

a) Đại Tín Ngân hàng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng;

b) Đại Tín Ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả do các sự cố nghiêm trọng khác.

2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của Đại Tín Ngân hàng hoặc được chuyển đổi thành phần vốn góp, vốn cổ phần tại Đại Tín Ngân hàng.

3. Đại Tín Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt theo trình tự, thủ tục do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 86. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt

1. Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với Đại Tín Ngân hàng trong các trường hợp sau đây:

a) Hoạt động của Đại Tín Ngân hàng trở lại bình thường;

b) Trong quá trình kiểm soát đặc biệt, Đại Tín Ngân hàng được sáp nhập, hợp nhất vào một tổ chức tín dụng khác;

c) Đại Tín Ngân hàng không khôi phục được khả năng thanh toán.

2. Quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt được thông báo cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Trường hợp chấm dứt kiểm soát đặc biệt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt việc áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán gửi Tòa án.

CHƯƠNG XXI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ, PHÒNG TỎA VỐN, TÀI SẢN

Điều 87. Tổ chức lại Đại Tín ngân hàng

1. Đại Tín ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại Đại Tín ngân hàng.

Điều 88. Giải thể Đại Tín ngân hàng

Đại Tín ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

3. Bị thu hồi Giấy phép.

Điều 89. Phá sản Đại Tín ngân hàng

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Đại Tín Ngân hàng vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì Đại Tín Ngân

hàng phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản Đại Tín ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của Đại Tín ngân hàng theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 90. Thanh lý tài sản của Đại Tín ngân hàng

1. Trong trường hợp Đại Tín Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Đại Tín Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 88 của Điều lệ này, Đại Tín Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản Đại Tín Ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều này, nếu phát hiện Đại Tín Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và yêu cầu Đại Tín Ngân hàng nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Đại Tín Ngân hàng quy định tại Điều 89 của Điều lệ này.

4. Đại Tín Ngân hàng bị thanh lý có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

CHƯƠNG XXII

THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI TÍN NGÂN HÀNG; TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI TÍN NGÂN HÀNG, NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 91. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các Điều 126, 127, 128, 129 của Luật các Tổ chức Tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới luật) của Đại Tín Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn và với người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Đại Tín Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn, công ty con, công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký kết hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký kết hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết;

b) Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai

mươi phần trăm) vốn điều lệ của Đại Tín Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Đại Tín Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Đại Tín Ngân hàng; các hợp đồng của Đại Tín Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký kết hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký kết hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

2. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Đại Tín Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.

Điều 92. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng

Đại Tín Ngân hàng có trách nhiệm sau đây:

1. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh;

2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi;

3. Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;

4. Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng;

5. Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, Đại Tín Ngân hàng phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch. Đại Tín Ngân hàng không được phép ngừng giao dịch quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng.

Điều 93. Trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

Đại Tín Ngân hàng có trách nhiệm sau đây:

1. Không được che giấu, thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp;

2. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;

3. Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;

4. Hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Điều 94. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên

quan tới công việc của Đại Tín Ngân hàng hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ Luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:

a. Một cổ đông hay các cổ đông và Đại Tín Ngân hàng; hoặc

b. Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một ngày) làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng ba tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXII
THỦ TỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ,
NGÀY HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 95. Thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung ghi trong Điều lệ của Đại Tín Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông Đại Tín Ngân hàng quyết định và phải được đăng ký tại NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Đại Tín Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Đại Tín Ngân hàng.

Điều 96. Ngày hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI TÍN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Toàn

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI TÍN

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương I. Giải thích từ ngữ trong điều lệ

Điều 01: Giải thích từ ngữ 04

Chương II. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của Đại Tín Ngân hàng

Điều 02: Tên, địa điểm đặt trụ sở chính 09

Chương III. Thời hạn hoạt động của Đại Tín Ngân hàng

Điều 03: Thời gian hoạt động 11

Chương IV. Nội dung và phạm vi hoạt động của Đại Tín Ngân hàng

Điều 04: Hoạt động ngân hàng của Đại Tín Ngân hàng 12

Điều 05: Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước 13

Điều 06: Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính 13

Điều 07: Mở tài khoản 13

Điều 08: Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán 14

Điều 09: Góp vốn, mua cổ phần 14

Điều 10: Tham gia thị trường tiền tệ 15

Điều 11: Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh 16

Điều 12: Nghiệp vụ ủy thác và đại lý 16

Điều 13: Các hoạt động kinh doanh khác của Đại Tín Ngân hàng 16

Điều 14: Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của Đại Tín Ngân hàng 17

Điều 15: Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay 17

Điều 16: Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn giảm lãi suất 18

Điều 17: Lưu giữ hồ sơ tín dụng 18

Điều 18: Hoạt động ngân hàng điện tử 19

Điều 19: Kinh doanh bất động sản 19

<i>Điều 20:</i> Phạm vi hoạt động được phép của Đại Tín Ngân hàng	20
Chương V. Người đại diện theo pháp luật	
<i>Điều 21:</i> Người đại diện theo pháp luật	21
Chương VI. Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng giảm vốn điều lệ	
<i>Điều 22:</i> Vốn điều lệ	22
<i>Điều 23:</i> Phương thức góp vốn	22
<i>Điều 24:</i> Tăng giảm Vốn điều lệ	23
Chương VII. Cổ phần, cổ phiếu	
<i>Điều 25:</i> Cổ phần, cổ đông	25
<i>Điều 26:</i> Tỷ lệ sở hữu cổ phần	25
<i>Điều 27:</i> Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	26
<i>Điều 28:</i> Cổ phiếu	27
Chương VIII. Cơ cấu tổ chức quản lý của Đại Tín Ngân hàng	
<i>Điều 29:</i> Cơ cấu tổ chức quản lý	28
Chương IX. Cổ đông	
<i>Điều 30:</i> Quyền của cổ đông phổ thông	29
<i>Điều 31:</i> Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	30
Chương X. Đại hội đồng cổ đông	
<i>Điều 32:</i> Đại hội đồng cổ đông	32
<i>Điều 33:</i> Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông	32
<i>Điều 34:</i> Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	35
<i>Điều 35:</i> Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	36
<i>Điều 36:</i> Mời họp Đại hội đồng cổ đông	37
<i>Điều 37:</i> Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	38
<i>Điều 38:</i> Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	39
<i>Điều 39:</i> Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	40

<i>Điều 40:</i> Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	43
<i>Điều 41:</i> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	46
<i>Điều 42:</i> Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	48
<i>Điều 43:</i> Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông	48
Chương XI. Nguyên tắc chung về quản trị, điều hành, kiểm soát	
<i>Điều 44:</i> Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	49
<i>Điều 45:</i> Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	51
<i>Điều 46:</i> Đương nhiên mất tư cách	52
<i>Điều 47:</i> Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, điều hành Ngân hàng Đại Tín	54
<i>Điều 48:</i> Trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan	55
<i>Điều 49:</i> Tiêu chuẩn và điều kiện đối với người quản lý, điều hành	56
Chương XII. Hội đồng quản trị	
<i>Điều 50:</i> Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị	60
<i>Điều 51:</i> Thành phần và nhiệm kỳ	60
<i>Điều 52:</i> Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	61
<i>Điều 53:</i> Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị	65
<i>Điều 54:</i> Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	66
<i>Điều 55:</i> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	67
Chương XIII. Ban kiểm soát	
<i>Điều 56:</i> Ban Kiểm soát và cơ cấu của Ban Kiểm soát	71
<i>Điều 57:</i> Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	72
<i>Điều 58:</i> Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát	74
<i>Điều 59:</i> Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	75
<i>Điều 60:</i> Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	76
<i>Điều 61:</i> Cuộc họp Ban Kiểm soát	77

Chương XIV. Tổng giám đốc

Điều 62: Tổng giám đốc 79

Điều 63: Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 79

Chương XV. Thẻ thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Điều 64: Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Đại Tín Ngân hàng 81

Điều 65: Thẻ thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc 82

Điều 66: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc 82

Điều 67: Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc 83

Chương XVI. Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ

Điều 68: Chế độ tài chính 85

Điều 69: Năm tài chính 85

Điều 70: Hạch toán kế toán 85

Điều 71: Hệ thống kiểm soát nội bộ 85

Điều 72: Kiểm toán nội bộ 86

Điều 73: Kiểm toán độc lập 86

Chương XVII. Phân chia lợi nhuận

Điều 74: Quỹ dự trữ 88

Điều 75: Trả cổ tức 88

Chương XVIII. Thông tin, báo cáo

Điều 76: Cung cấp thông tin 90

Điều 77: Bảo mật thông tin 90

Điều 78: Báo cáo 91

Điều 79: Công khai báo cáo tài chính 91

Chương XIX. Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát

Điều 80: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc 92

Chương XX. Kiểm soát đặc biệt

Điều 81: Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả 94

Điều 82: Áp dụng kiểm soát đặc biệt 94

Điều 83: Thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước đối với Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt 95

Điều 84: Trách nhiệm của Đại Tín Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt 96

Điều 85: Khoản vay đặc biệt 96

Điều 86: Chấm dứt kiểm soát đặc biệt 97

Chương XXI. Tổ chức lại, giải thể, phá sản, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản

Điều 87: Tổ chức lại Đại Tín Ngân hàng 98

Điều 88: Giải thể Ngân hàng Đại Tín 98

Điều 89: Phá sản Ngân hàng Đại Tín 98

Điều 90: Thanh lý tài sản Ngân hàng Đại Tín 99

Chương XXII. Thẻ thức thông qua quyết định của Đại Tín Ngân hàng; trách nhiệm của Đại Tín Ngân hàng, nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Điều 91: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 100

Điều 92: Bảo vệ quyền lợi của khách hàng 101

<i>Điều 93:</i> Trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố	102
<i>Điều 94:</i> Giải quyết tranh chấp nội bộ	102
Chương XXIII. Thủ tục sửa đổi, bổ sung điều lệ, hiệu lực của điều lệ	
<i>Điều 95:</i> Thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ	104
<i>Điều 96:</i> Ngày hiệu lực	104

